

Bản án số: 11/2017/HNGĐ-ST

Ngày 20/ 7/ 2017

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÙ, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hạnh;
2. Bà Nguyễn Thị Mười.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cù.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cù tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Khắc Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 31/2017/TLST-HNGĐ, ngày 11/4/2017 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03/7/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vũ Thị H, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Thôn HL, xã ĐC, huyện PC, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Ông Đỗ Đăng K (Đỗ Văn K), sinh năm 1964;

Địa chỉ: Tổ B, Ấp T, xã XT, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai nguyên đơn bà Vũ Thị H trình bày: Bà tự nguyện kết hôn với ông Đỗ Đăng K (Đỗ Văn K) người ở xã MT, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MT ngày 17/9/1991, tổ chức đám cưới ngày 16/8/1991 âm lịch. Sau khi kết hôn vợ chồng bà sinh sống và làm ruộng tại địa phương cùng gia đình nhà chồng. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng giữa bà và ông K không được hạnh phúc. Nguyên nhân là do bà không được nhanh nhẹn, khéo léo, trong khi đó mẹ chồng đố kỵ, bắt bẻ, xúc phạm bà và gia đình bà. Ông K là chồng nhưng luôn nghe lời mẹ, không biết phân biệt đúng sai, dẫn đến vợ chồng không đồng nhất quan điểm sống và có mâu thuẫn. Do cuộc sống ngày càng bị

áp lực bà đã bỏ về nhà bố, mẹ đẻ ở từ khoảng cuối năm 1996 cho đến nay. Sau khi bà bỏ về nhà bố, mẹ đẻ ở, ông K không đến tìm bà lần nào. Bà có đến thăm con nhưng mẹ chồng ngăn cấm. Bà và ông K sống ly thân đã hơn 20 năm nay, tình cảm vợ chồng không còn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông K.

Bị đơn ông Đỗ Đăng K (Đỗ Văn K) trình bày: Ông và bà H tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và tiến tới hôn nhân năm 1991, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MT. Ông và bà H chung sống đến năm 1993 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà H ngoại tình. Từ năm 1995 hoặc 1996 ông và bà H sống ly thân, ông và con chung vào tỉnh ĐN sinh sống từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Đến nay ông xác định tình cảm vợ chồng với bà H không còn, ông nhất trí ly hôn với bà H.

Về con chung: Bà H và ông K đều khẳng định ông, bà có một con chung là Đỗ Ngọc B (Đỗ Thị B), sinh ngày 02/7/1993 đã trưởng thành, sống tự lập.

Chị Đỗ Ngọc B trình bày: Chị sinh sống với bố K từ nhỏ, sau này chị mới biết mẹ đẻ của chị là Vũ Thị H quê ở ĐC. Thời gian gần đây chị mới được nói chuyện, gặp mặt mẹ H qua điện thoại và Internet. Nay chị đã thành niên, có việc làm, tự lập được cuộc sống nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng của bố, mẹ đối với chị.

Về tài sản, công sức, nợ, ruộng cấy: Bà H và ông K đều khẳng định ông, bà không có tài sản chung, không vay nợ ai tài sản gì, không có công sức gì với hai bên gia đình, không tranh chấp về ruộng cấy nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, bà H vẫn giữ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn ông K. Ông K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán; Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi Tòa án thụ lý và tại phiên tòa sơ thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề giải quyết theo hướng:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà H. Bà H và ông K được ly hôn.

+ Về con chung: Không xét giải quyết.

+ Về tài sản, công sức đóng góp, nợ, ruộng cấy: Không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Bà H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Đỗ Đăng K (Đỗ Văn K) hiện đang cư trú tại địa chỉ: Tổ B, Ấp T, xã XT, huyện CM, tỉnh Đồng Nai, nhưng ông K và bà H đã có biên bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ giải quyết ly hôn. Căn cứ vào khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm b khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án ông K đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Ông K đã có lời khai khai thể hiện quan điểm giải quyết vụ án và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ xét xử vắng mặt ông K theo khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông K kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MT ngày 17/9/1991, như vậy quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông K là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Ông K và bà H đã có cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, kết quả đã có 01 con chung. Do bà H tính nết chậm chạp, vụng về không nhận được sự hài lòng của gia đình nhà chồng. Ông K lập trường tư tưởng không vững vàng, không có biện pháp bảo vệ hạnh phúc vợ chồng, dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Từ những năm 1995, 1996 đến nay, bà H và ông K sống ly thân mỗi người một nơi, người trong Nam, người ngoài Bắc, hai bên không quan tâm, chăm sóc đến nhau, không làm tròn nghĩa vụ vợ, chồng, cuộc sống chung không có, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay ông K và bà H đều xác định không còn tình cảm vợ chồng với nhau. Bà H xin được ly hôn ông K, ông K cũng nhất trí ly hôn. Do vậy, yêu cầu xin được ly hôn ông K của bà H là phù hợp với khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà H và ông K đều khẳng định ông, bà có một con chung là chị Đỗ Ngọc B (Đỗ Thị B), sinh ngày 02/7/1993. Bà H và ông K và chị B đều khẳng định chị B đã trưởng thành, tự lập được cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản, công sức, nợ, ruộng cấy: Bà H và ông K đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm b khoản 1 điều 39, khoản 1 điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Vũ Thị H. Bà Vũ Thị H được ly hôn ông Đỗ Đăng K (Đỗ Văn K).

2. Về con chung: Bà H và ông K có một con chung là chị Đỗ Ngọc B (Đỗ Thị B), sinh năm 1993 đã trưởng thành, sống tự lập, không ai phải nuôi dưỡng, cấp dưỡng, cùng có trách nhiệm chung.

3. Về tài sản, công sức, nợ, ruộng cấy: Bà H và ông K đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Vũ Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được đối trừ vào số tiền bà H đã nộp tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 005423, ngày 11/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cừ. Bà H đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày. Thời hạn kháng cáo của bà H tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; thời hạn kháng cáo của ông K tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã MT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)
Vũ Thị Nga

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA